



CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH ĐẠI HỌC - DẠY NGHỀ  
Số 10 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp  
Số 0310300000/2010/0000000

VIỆT NAM

1999

Đang chờ đăng ký thuế

1999

Đang chờ đăng ký thuế

1999

Đang chờ đăng ký thuế

1999

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
SÁCH ĐẠI HỌC – DẠY NGHỀ**

**Báo cáo tài chính giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2018**

**MỤC LỤC**

**Trang**

Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo tài chính giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 29

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2018 đã được soát xét.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 710/QĐ-TC ngày 11/06/2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0101517669 ngày 28/07/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 5 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 27/06/2018.

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 21,73% vốn điều lệ.

Vốn góp thực tế đến thời điểm 30/06/2018: 10.000.000.000 đồng.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán HEV. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 11/12/2007.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 25 Hàn Thuyên, Phường Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84) 24.38256547 - 39717189
- Fax: (84) 24.39717189
- Website: <http://www.hevobco.com.vn>
- Email: [info@hevobco.com.vn](mailto:info@hevobco.com.vn) - [hevobco@yahoo.com](mailto:hevobco@yahoo.com)

### Ngành nghề kinh doanh chính

- Tổ chức biên tập, in và phát hành sách phục vụ giáo dục;
- Phát hành sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các ấn phẩm khác được Nhà nước lưu hành;
- Sản xuất, buôn bán các loại văn phòng phẩm, thiết bị dạy nghề.

### Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 24 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 8 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này gồm có:

### Hội đồng quản trị

- |                        |          |                              |
|------------------------|----------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Nam Phóng | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 31/01/2018     |
| • Ông Nguyễn Văn Tư    | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 19/04/2014     |
|                        |          | Miễn nhiệm ngày 30/01/2018   |
| • Ông Phạm Gia Trí     | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 30/01/2018     |
| • Ông Lê Quang Dũng    | Ủy viên  | Bổ nhiệm lại ngày 30/01/2018 |

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- |                         |         |  |
|-------------------------|---------|--|
| • Ông Trần Văn Thắng    | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 30/01/2018                               |
| • Ông Trần Trọng Tiến   | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 30/01/2018                                   |
| • Bà Ngô Thị Thanh Bình | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 19/04/2014<br>Miễn nhiệm ngày 30/01/2018 |

### *Ban kiểm soát*

- |                         |            |  |
|-------------------------|------------|--|
| • Bà Trương Thanh Thùy  | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 31/01/2018                                   |
| • Bà Đỗ Thị Phương      | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 19/04/2014<br>Miễn nhiệm ngày 30/01/2018 |
| • Bà Nguyễn Thị Thu Vân | Ủy viên    | Bổ nhiệm ngày 30/01/2018                                   |
| • Ông Vũ Bá Sơn         | Ủy viên    | Bổ nhiệm lại ngày 30/01/2018                               |
| • Bà Nguyễn Thị Thu Hà  | Ủy viên    | Bổ nhiệm lại ngày 19/04/2014<br>Miễn nhiệm ngày 30/01/2018 |

### *Ban Giám đốc và Kế toán trưởng*

- |                         |                |  |
|-------------------------|----------------|--|
| • Ông Phạm Gia Trí      | Giám đốc       | Bổ nhiệm ngày 31/01/2018                                   |
| • Bà Ngô Thị Thanh Bình | Giám đốc       | Bổ nhiệm lại ngày 21/04/2014<br>Miễn nhiệm ngày 30/01/2018 |
| • Ông Trần Văn Thắng    | Phó Giám đốc   | Bổ nhiệm lại ngày 31/01/2018                               |
| • Ông Trần Trọng Tiến   | Phó Giám đốc   | Bổ nhiệm lại ngày 31/01/2018                               |
| • Ông Lê Quang Dũng     | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 31/01/2018                               |

### **Kiểm toán độc lập**

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 236.3655886; Fax: (84) 236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Thay mặt Ban Giám đốc

Giám đốc  
SÁCH ĐẠI HỌC  
DẠY NGHỀ

Phạm Gia Trí

Hà Nội, ngày 06 tháng 08 năm 2018



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: <http://www.aac.com.vn>

Số: 849/2018/BCSX-AAC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2018 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, được lập ngày 17/07/2018 của Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 6 đến trang 29.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2018 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2018, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Như trình bày tại mục e của Thuyết minh số 17, Công ty đã dùng nguồn lợi nhuận sau thuế còn lại của các năm trước bù đắp tiền phạt thuế, tiền thuế truy thu theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 94-2018/NQ-HĐQT ngày 27/06/2018. Nội dung này chưa được Đại hội đồng cổ đông thông qua.



**Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC**

**Lâm Quang Tú - Phó Tổng Giám đốc**  
 Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2018-010-1  
 Đà Nẵng, ngày 06 tháng 08 năm 2018

Mã	Tên tài sản	Đơn vị tính	Giá trị gốc	Giá trị thuần
100	Tài sản cố định hữu hình		20.616.260.107	15.214.437.201
110	Chi phí bất động sản		1.574.419.896	1.574.419.896
111	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.574.419.896	1.574.419.896
112	Chi phí mua sắm tài sản cố định hữu hình			
113	Chi phí mua sắm tài sản cố định vô hình			
114	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
115	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
116	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
117	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
118	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
119	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
120	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
121	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
122	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
123	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
124	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
125	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
126	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
127	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
128	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
129	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
130	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
131	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
132	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
133	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
134	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
135	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
136	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
137	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
138	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
139	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
140	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
141	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
142	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
143	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
144	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
145	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
146	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
147	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
148	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
149	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
150	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
151	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
152	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
153	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
154	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
155	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
156	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
157	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
158	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
159	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
160	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
161	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
162	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
163	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
164	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
165	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
166	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
167	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
168	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
169	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
170	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
171	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
172	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
173	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
174	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
175	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
176	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
177	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
178	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
179	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
180	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
181	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
182	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
183	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
184	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
185	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
186	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
187	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
188	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
189	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
190	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
191	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
192	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
193	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
194	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
195	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
196	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
197	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
198	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
199	Chi phí mua sắm tài sản cố định khác			
200	Tổng cộng tài sản		21.791.089.207	17.340.794.341

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

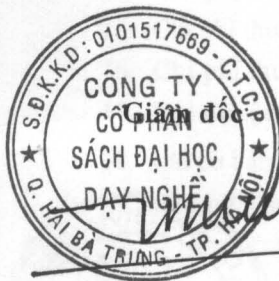
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>20.616.260.107</b>	<b>18.210.437.041</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>1.574.419.894</b>	<b>2.537.235.672</b>
1. Tiền	111	5	1.574.419.894	2.537.235.672
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>2.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6.a	2.000.000.000	6.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>9.879.825.003</b>	<b>2.573.239.268</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	10.201.149.411	2.745.749.507
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.000.000	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8.a	77.905.000	153.510.000
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(402.229.408)	(326.020.239)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>7.102.216.033</b>	<b>7.088.736.792</b>
1. Hàng tồn kho	141		8.114.248.485	8.139.536.694
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.012.032.452)	(1.050.799.902)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>59.799.177</b>	<b>11.225.309</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.a	47.418.550	7.218.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		12.380.627	4.007.309
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.177.729.500</b>	<b>1.150.357.500</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>59.372.000</b>	<b>32.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	8.b	59.372.000	32.000.000
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	-	-
- Nguyên giá	222		1.009.219.000	1.009.219.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.009.219.000)	(1.009.219.000)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6.b	1.000.000.000	1.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>118.357.500</b>	<b>118.357.500</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.b	118.357.500	118.357.500
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>21.793.989.607</b>	<b>19.360.794.541</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Ngày 30 tháng 06 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>6.765.133.583</b>	<b>3.578.006.465</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>6.765.133.583</b>	<b>3.578.006.465</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	5.937.338.565	2.865.858.048
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	260.833.995	79.590.550
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	213.805.597	223.799.121
4. Phải trả người lao động	314		277.842.812	67.684.719
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	41.455.850
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	24.315.607	31.679.014
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		50.997.007	267.939.163
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>15.028.856.024</b>	<b>15.782.788.076</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>15.028.856.024</b>	<b>15.782.788.076</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	17	10.000.000.000	10.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		10.000.000.000	10.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	17	1.890.000.000	1.890.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	17	962.203.411	962.203.411
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	17	2.176.652.613	2.930.584.665
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.309.082.253	1.630.584.665
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		867.570.360	1.300.000.000
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>21.793.989.607</b>	<b>19.360.794.541</b>



Phạm Gia Trí

Hà Nội, ngày 17 tháng 07 năm 2018

Kế toán trưởng

Lê Quang Dũng

Người lập biểu

Hoàng Quốc Khánh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2018

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	19	14.517.505.681	10.617.065.283
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		14.517.505.681	10.617.065.283
4. Giá vốn hàng bán	11	20	9.684.778.956	6.050.055.946
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng &amp; cc dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>4.832.726.725</b>	<b>4.567.009.337</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	101.285.189	203.289.498
7. Chi phí tài chính	22		-	(51.142.984)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	22.a	651.102.712	584.681.225
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22.b	3.180.461.602	2.962.175.242
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>1.102.447.600</b>	<b>1.274.585.352</b>
11. Thu nhập khác	31		-	200.080
12. Chi phí khác	32		2.477.150	-
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(2.477.150)</b>	<b>200.080</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>1.099.970.450</b>	<b>1.274.785.432</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	232.400.090	270.111.086
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>867.570.360</b>	<b>1.004.674.346</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	868	1.005
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	24	868	1.005



Phạm Gia Trí

Hà Nội, ngày 17 tháng 07 năm 2018

Kế toán trưởng

*(Signature)*  
Lê Quang Dũng

Người lập biểu

*(Signature)*  
Hoàng Quốc Khánh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2018

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	6 tháng đầu	6 tháng đầu
		năm 2018	năm 2017
		VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	7.246.168.744	8.462.448.245
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(8.419.679.543)	(6.137.441.113)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.701.807.000)	(2.245.645.000)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05 15	(123.042.215)	(299.498.328)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	52.576.127	131.949.422
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(911.967.080)	(504.685.751)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(3.857.750.967)</b>	<b>(592.872.525)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23 6.a	(2.000.000.000)	(3.000.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24 6.a	6.000.000.000	4.500.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27 8,21	194.935.189	184.175.462
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>4.194.935.189</b>	<b>1.684.175.462</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36 17.e	(1.300.000.000)	(1.300.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(1.300.000.000)</b>	<b>(1.300.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(962.815.778)</b>	<b>(208.697.063)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60 5	2.537.235.672	2.748.896.405
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70 5</b>	<b>1.574.419.894</b>	<b>2.540.199.342</b>



Phạm Gia Trí

Hà Nội, ngày 17 tháng 07 năm 2018

Kế toán trưởng

Lê Quang Dũng

Người lập biểu

Hoàng Quốc Khánh

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành  
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### **1. Đặc điểm hoạt động**

#### **1.1. Khái quát chung**

Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 710/QĐ-TC ngày 11/06/2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0101517669 ngày 28/07/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 5 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 27/06/2018.

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính:** *Tổ chức biên tập, in và phát hành sách phục vụ giáo dục; buôn bán các loại văn phòng phẩm, thiết bị dạy nghề.*

#### **1.3. Ngành nghề kinh doanh**

- Tổ chức biên tập, in và phát hành sách phục vụ giáo dục;
- Phát hành sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các ấn phẩm khác được Nhà nước lưu hành;
- Sản xuất, buôn bán các loại văn phòng phẩm, thiết bị dạy nghề.

### **2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Riêng Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2018 (Bắt đầu từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

### **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

### **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

#### **4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **4.2 Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

#### ***Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác***

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

#### ***Dự phòng***

Đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

### **4.3 Các khoản nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí công in, nhuận bút, phí quản lý xuất bản, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên chi phí công in.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### 4.5 Tài sản cố định hữu hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### Khấu hao

Hiện nay, toàn bộ các tài sản cố định hữu hình của Công ty đã được khấu hao hết.

### 4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Phí quản lý xuất bản, phí đầu thầu bản thảo trả trước cho các sách chưa in được phân bổ căn cứ vào số lượng sách in nhập kho;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### 4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

### 4.8 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Chi phí phải trả của Công ty là phí đấu thầu bản thảo của số lượng sách in vượt hợp đồng hoặc giá bìa sách in cao hơn hợp đồng thầu nhưng chưa có hóa đơn.

### 4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

#### Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

### 4.10 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **4.11 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm.

### **4.12 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

### **4.13 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### **4.14 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

### **4.15 Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và chi phí phải trả.

#### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4.16 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Các loại sách cho đại học và dạy nghề là hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế. Từ điển các loại áp dụng mức thuế suất 5%. Đối với các loại sổ sách chuyên môn áp dụng mức thuế suất 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 4.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

## 5. Tiền

	30/06/2018	01/01/2018
Tiền mặt	168.484.127	216.365.747
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.405.935.767	2.320.869.925
<b>Cộng</b>	<b>1.574.419.894</b>	<b>2.537.235.672</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 6. Đầu tư tài chính

#### a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng	2.000.000.000	2.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>

#### b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình hoạt động		30/06/2018				01/01/2018		
		Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty CP Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam	Đang hoạt động	0,92%	0,92%	100.000	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
<b>Cộng</b>					<b>1.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/06/2018	01/01/2018
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	1.964.942.135	7.852.650
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	1.667.062.018	-
Công ty Cổ phần ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	2.895.067.252	26.628.632
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hà Nội	506.783.500	718.511.500
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	405.803.908	296.859.900
Các đối tượng khác	2.761.490.598	1.695.896.825
<b>Cộng</b>	<b>10.201.149.411</b>	<b>2.745.749.507</b>

**Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	Mối quan hệ	30/06/2018	01/01/2018
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	506.783.500	718.511.500
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư	1.964.942.135	7.852.650
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	Chung Công ty đầu tư	1.667.062.018	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. HCM	Chung Công ty đầu tư	405.803.908	296.859.900
Công ty Cổ phần ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	2.895.067.252	26.628.632
Các đối tượng khác	Chung Công ty đầu tư	1.495.398.194	170.109.812
<b>Cộng</b>		<b>8.935.057.007</b>	<b>1.219.962.494</b>

**8. Phải thu khác**

**a. Ngắn hạn**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	47.655.000	-	29.610.000	-
Lãi dự thu	30.250.000	-	123.900.000	-
<b>Cộng</b>	<b>77.905.000</b>	<b>-</b>	<b>153.510.000</b>	<b>-</b>

**b. Dài hạn**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	59.372.000	-	32.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>59.372.000</b>	<b>-</b>	<b>32.000.000</b>	<b>-</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 9. Dự phòng phải thu khó đòi

#### a. Ngắn hạn

	30/06/2018	01/01/2018
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	402.229.408	326.020.239
- Từ 3 năm trở lên	262.119.481	262.119.481
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	43.270.119	13.328.000
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	41.423.280	47.026.758
- Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	55.416.528	3.546.000
<b>Cộng</b>	<b>402.229.408</b>	<b>326.020.239</b>

#### b. Nợ xấu

	30/06/2018			Ghi chú
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	
Phải thu khách hàng				
- Công ty CP Việt Thường - Nhà sách Cào Thơm	50.234.301		- Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Sở Giáo dục Đào tạo Bắc Kạn	45.446.334		- Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Các đối tượng khác	166.438.846		- Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Phải thu các đối tượng khác	329.382.775	189.272.848	Từ 6 tháng đến dưới 3 năm	Quá hạn thanh toán
<b>Cộng</b>	<b>591.502.256</b>	<b>189.272.848</b>		

	01/01/2018			Ghi chú
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	
Phải thu khách hàng				
- Công ty CP Việt Thường - Nhà sách Cào Thơm	50.234.301		- Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Sở Giáo dục Đào tạo Bắc Kạn	45.446.334		- Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Các đối tượng khác	166.438.846		- Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Phải thu các đối tượng khác	124.913.515	61.012.757	Từ 6 tháng đến dưới 3 năm	Quá hạn thanh toán
<b>Cộng</b>	<b>387.032.996</b>	<b>61.012.757</b>		

(\*) Công ty đánh giá giá trị có thể thu hồi căn cứ vào mức dự phòng cần trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**10. Hàng tồn kho**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	11.213.974	-	10.912.031	-
Thành phẩm	7.947.131.771	(1.012.032.452)	8.110.092.954	(1.050.799.902)
Hàng hóa	155.902.740	-	18.531.709	-
<b>Cộng</b>	<b>8.114.248.485</b>	<b>(1.012.032.452)</b>	<b>8.139.536.694</b>	<b>(1.050.799.902)</b>

- Giá trị sách các loại chậm tiêu thụ tại thời điểm 30/06/2018 là 2.257.254.460 đồng. Hiện nay, Công ty đang có kế hoạch tìm kiếm khách hàng, tăng tỷ lệ chiết khấu để tiêu thụ các loại sách này.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 30/06/2018.

**11. Chi phí trả trước**

**a. Ngắn hạn**

	30/06/2018	01/01/2018
Phí quản lý xuất bản	47.418.550	7.218.000
<b>Cộng</b>	<b>47.418.550</b>	<b>7.218.000</b>

**b. Dài hạn**

	30/06/2018	01/01/2018
Phí đấu thầu bản thảo	118.357.500	118.357.500
<b>Cộng</b>	<b>118.357.500</b>	<b>118.357.500</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 12. Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận tải truyền dẫn		Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu kỳ	1.009.219.000		1.009.219.000
Mua sắm trong kỳ	-		-
Giảm trong kỳ	-		-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.009.219.000</b>		<b>1.009.219.000</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu kỳ	1.009.219.000		1.009.219.000
Khấu hao trong kỳ	-		-
Giảm trong kỳ	-		-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.009.219.000</b>		<b>1.009.219.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu kỳ	-		-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>		<b>-</b>

- Không có tài sản cố định hữu hình dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 30/06/2018.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2018 là 1.009.219.000 đồng.

### 13. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2018	01/01/2018
Công ty Cổ phần In Phúc Yên	1.475.445.430	1.387.061.957
Nhà in Bộ Tổng Tham mưu	902.306.949	-
Công ty Cổ phần In và Vật tư Hải Dương	814.482.483	147.216.337
Phải trả cho các đối tượng khác	2.745.103.703	1.331.579.754
<b>Cộng</b>	<b>5.937.338.565</b>	<b>2.865.858.048</b>

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2018	01/01/2018
Công ty Cổ phần Sách Dân tộc	Chung Công ty đầu tư	217.658.000	-
Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	162.492.500	162.492.500
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	576.252.600	-
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	476.802.870	-
Các đối tượng khác	Chung Công ty đầu tư	241.321.830	115.242.468
<b>Cộng</b>		<b>1.674.527.800</b>	<b>277.734.968</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2018	01/01/2018
Hiệu sách Hoàng Hương	120.873.270	79.053.050
PGS. TS. Nguyễn Minh Khương	100.250.000	-
Các đối tượng khác	39.710.725	537.500
<b>Cộng</b>	<b><u>260.833.995</u></b>	<b><u>79.590.550</u></b>

### 15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	-	31.667	-	31.667
Thuế thu nhập doanh nghiệp	93.042.215	232.400.090	123.042.215	202.400.090
Thuế thu nhập cá nhân	130.756.906	53.467.890	172.850.956	11.373.840
Các loại thuế khác	-	2.000.000	2.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>223.799.121</u></b>	<b><u>287.899.647</u></b>	<b><u>297.893.171</u></b>	<b><u>213.805.597</u></b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

### 16. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2018	01/01/2018
Kinh phí công đoàn	24.315.607	31.679.014
<b>Cộng</b>	<b><u>24.315.607</u></b>	<b><u>31.679.014</u></b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 17. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2017	10.000.000.000	1.890.000.000	788.390.025	2.930.584.665	15.608.974.690
Tăng trong kỳ	-	-	173.813.386	1.738.133.862	1.911.947.248
Giảm trong kỳ	-	-	-	1.738.133.862	1.738.133.862
<b>Số dư tại 31/12/2017</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>1.890.000.000</b>	<b>962.203.411</b>	<b>2.930.584.665</b>	<b>15.782.788.076</b>
Số dư tại 01/01/2018	10.000.000.000	1.890.000.000	962.203.411	2.930.584.665	15.782.788.076
Tăng trong kỳ	-	-	-	867.570.360	867.570.360
Giảm trong kỳ	-	-	-	1.621.502.412	1.621.502.412
<b>Số dư tại 30/06/2018</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>1.890.000.000</b>	<b>962.203.411</b>	<b>2.176.652.613</b>	<b>15.028.856.024</b>

#### b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu kỳ	10.000.000.000	10.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	10.000.000.000	10.000.000.000
<b>Cổ tức đã chia</b>	<b>1.300.000.000</b>	<b>1.300.000.000</b>

#### c. Cổ phiếu

	30/06/2018 Cổ phiếu	01/01/2018 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.000.000	1.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND

#### d. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 30/01/2018 đã thông qua phương án chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2017 với tỷ lệ 13%/ vốn điều lệ, tương ứng 1.300.000.000 đồng. Theo đó, công ty đã thực hiện chi trả số cổ tức này trong 6 tháng đầu năm 2018.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	2.930.584.665	2.930.584.665
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	867.570.360	1.004.674.346
Phân phối lợi nhuận	1.621.502.412	1.300.000.000
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước	1.621.502.412	1.300.000.000
+ Chia cổ tức (i)	1.300.000.000	1.300.000.000
+ Tiền phạt thuế, truy thu thuế của các năm trước (ii)	321.502.412	-
- Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ</b>	<b>2.176.652.613</b>	<b>2.635.259.011</b>

- (i) Lợi nhuận sau thuế năm 2017 được phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 17/ĐH&DN ngày 30/01/2018.
- (ii) Công ty dùng lợi nhuận sau thuế còn lại của các năm trước bù đắp tiền phạt thuế, tiền thuế truy thu theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 94-2018/NQ-HĐQT ngày 27/06/2018.

### 18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

#### Nợ khó đòi đã xử lý

	VND	Nguyên nhân xóa nợ
Công ty TNHH Thương mại Văn hóa Nam Việt	565.679.294	Khách hàng đã phá sản

### 19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Doanh thu sách xuất bản	13.314.955.886	10.512.645.678
Doanh thu sách tham khảo mua ngoài	1.202.549.795	104.419.605
<b>Cộng</b>	<b>14.517.505.681</b>	<b>10.617.065.283</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**20. Giá vốn hàng bán**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Giá vốn sách xuất bản	8.863.374.459	6.016.993.411
Giá vốn sách tham khảo mua ngoài	860.171.947	95.883.247
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(38.767.450)	(62.820.712)
<b>Cộng</b>	<b>9.684.778.956</b>	<b>6.050.055.946</b>

**21. Doanh thu hoạt động tài chính**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	101.285.189	201.532.483
Lãi bán các khoản đầu tư	-	1.757.015
<b>Cộng</b>	<b>101.285.189</b>	<b>203.289.498</b>

**22. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

**a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Chi phí nhân công	175.995.272	191.217.815
Chi phí bốc xếp vận chuyển hàng tiêu thụ	158.068.240	139.685.810
Chi phí thuê kho	311.539.200	236.544.000
Các khoản khác	5.500.000	17.233.600
<b>Cộng</b>	<b>651.102.712</b>	<b>584.681.225</b>

**b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Chi phí nhân công	1.925.493.533	2.034.591.961
Chi phí thuê nhà	213.636.000	172.191.700
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	76.209.169	38.936.631
Các khoản khác	965.122.900	716.454.950
<b>Cộng</b>	<b>3.180.461.602</b>	<b>2.962.175.242</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**23. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.099.970.450	1.274.785.432
<b>Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế</b>	<b>62.030.000</b>	<b>75.770.000</b>
- Điều chỉnh tăng	62.030.000	75.770.000
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	8.840.000	16.920.000
+ Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	53.190.000	58.850.000
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	1.162.000.450	1.350.555.432
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>232.400.090</b>	<b>270.111.086</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	232.400.090	270.111.086
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-

**24. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	867.570.360	1.004.674.346
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	867.570.360	1.004.674.346
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.000.000	1.000.000
<b>Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>868</b>	<b>1.005</b>

**25. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Chi phí nhân công	2.101.488.805	2.225.809.776
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.692.181.325	7.067.971.879
Chi phí khác bằng tiền	662.098.291	721.433.349
<b>Cộng</b>	<b>12.455.768.421</b>	<b>10.015.215.004</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 26. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là biên tập, phát hành sách đại học dạy nghề và một bộ phận địa lý chính là lãnh thổ Việt Nam.

### 27. Quản lý rủi ro

#### a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Do không phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ và các khoản vay nên Công ty không chịu rủi ro về tỷ giá, lãi suất. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

#### *Quản lý rủi ro về giá*

Chi phí in ấn chiếm phần lớn trong giá vốn hàng bán nên Công ty chịu rủi ro về giá phí in ấn. Công ty quản lý rủi ro này thông qua việc tìm kiếm khách hàng cung cấp với phí dịch vụ thấp nhất, tập trung số lượng in lớn trên bản in để giảm chi phí.

#### **Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng khác nhau hơn nữa khách hàng của Công ty là các Công ty Sách lớn hoặc Bộ Giáo dục, các Trường Đại học. Đây là các khách hàng truyền thống, tình hình thanh toán kịp thời. Mặt khác, đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán Công ty cũng thường xuyên đôn đốc thu hồi nợ và thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định.

#### **Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

30/06/2018	Đơn vị tính: VND		
	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	5.937.338.565	-	5.937.338.565
<b>Cộng</b>	<b>5.937.338.565</b>	<b>-</b>	<b>5.937.338.565</b>
01/01/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	2.865.858.048	-	2.865.858.048
Chi phí phải trả	41.455.850	-	41.455.850
<b>Cộng</b>	<b>2.907.313.898</b>	<b>-</b>	<b>2.907.313.898</b>

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/06/2018	Đơn vị tính: VND		
	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.574.419.894	-	1.574.419.894
Đầu tư tài chính	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Phải thu khách hàng	9.798.920.003	-	9.798.920.003
Phải thu khác	77.905.000	59.372.000	137.277.000
<b>Cộng</b>	<b>13.451.244.897</b>	<b>1.059.372.000</b>	<b>14.510.616.897</b>
01/01/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.537.235.672	-	2.537.235.672
Đầu tư tài chính	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.000.000.000	-	6.000.000.000
Phải thu khách hàng	2.419.729.268	-	2.419.729.268
Phải thu khác	153.510.000	32.000.000	185.510.000
<b>Cộng</b>	<b>11.110.474.940</b>	<b>1.032.000.000</b>	<b>12.142.474.940</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 28. Thông tin về các bên liên quan

#### a. Các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. HCM	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Trung	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Cửu Long	Chung Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Sách Dân tộc	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	Chung Công ty đầu tư

#### b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Giao dịch	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017	
<b>Bán hàng</b>			
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP HCM	Bán sách xuất bản	126.721.140	173.900.400
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Bán sách xuất bản	1.957.089.485	1.653.523.220
Công ty CP Sách và TBGD Miền Trung	Bán sách xuất bản	1.164.843.188	1.025.627.370
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	Bán sách xuất bản	2.879.326.718	2.552.177.090
Công ty CP Sách và TBGD Cửu Long	Bán sách xuất bản	894.077.916	871.523.160
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Bán sách xuất bản	3.590.340.749	432.628.988
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Bán sách xuất bản	188.272.000	-
<b>Mua hàng</b>			
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Tiền thuê nhà, tiền điện và các dịch vụ khác	75.904.560	64.688.520
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà nội	Phí quản lý xuất bản	709.688.630	459.570.328
	Tem chống giả	65.340.000	43.560.000
Công ty CP In SGK tại Hà Nội	Tiền in sách	576.252.600	241.129.566
Công ty Cổ phần Sách Dân tộc	Mua sách tham khảo	217.658.000	-
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	Mua sách tham khảo	123.676.000	-
<b>Giao dịch khác</b>			
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Thu lãi cho vay	-	26.144.370

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**c. Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong kỳ**

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Lương Ban Giám đốc	563.591.305	561.793.768
Thu nhập Hội đồng quản trị	99.290.000	77.240.000

**29. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**30. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc 31/12/2017, số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017. Các báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.



Phạm Gia Trí

Hà Nội, ngày 17 tháng 07 năm 2018

Kế toán trưởng

Lê Quang Dũng

Người lập biểu

Hoàng Quốc Khánh